|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 236 /TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 7 năm 2018* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Quy định một số chính sách phát triển công nghiệp,**

**tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 7

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo;

Thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2018 của HĐND tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 7 Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo” với các nội dung chính như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH**

Trong những năm qua, công nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh có bước phát triển khá nhanh, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân giai đoạn 2010 - 2017 đạt 27,81%/năm. Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp trong GRDP của tỉnh tăng từ 5,65% năm 2010 lên 23,61% vào năm 2017. Kim ngạch xuất khẩu tăng cao, tổng kim ngạch giai đoạn 2010 - 2017 đạt 1,04 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 21,95%/năm. Các khu, cụm công nghiệp được thành lập và một số trong đó đã phát huy hiệu quả nhất định.

Hà Tĩnh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển CN - TTCN của tỉnh như: Nghị quyết số 73/2013/HĐND của HĐND tỉnh, Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh về chính sách phát triển cụm công nghiệp; Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của UBND tỉnh về việc quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng và các khu công nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh về khuyến công…Thông qua các chính sách, tỉnh đã hỗ trợ, đầu tư hạ tầng thiết yếu trong CCN như hệ thống giao thông, cấp thoát nước, hệ thống xử lý môi trường… cho 10 CCN với tổng kinh phí là 35,4 tỷ đồng; những chính sách nêu trên đã góp phần quan trọng trong thúc đẩy phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh *(chi tiết nội dung chính sách, tên cụm và số kinh phí hỗ trợ xem phụ lục 1 kèm theo).*

Công tác xã hội hóa đầu tư hạ tầng CCN cũng đã được quan tâm: Hiện nay đã thu hút được 04 đơn vị thực hiện đầu tư kinh doanh CCN theo hình thức xã hội hóa; gồm: Công ty CP Đầu tư và TM Lợi Châu (CCN Kỳ Hưng), Công ty CP Đầu tư IDI (CCN Thái Yên), Công ty TNHH Yên Huy (CCN Yên Huy) và Công ty TNHH Thanh Thành Đạt (CCN Xuân Lĩnh).

Chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp đã góp phần thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp, góp phần tăng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, giải quyết việc làm cho lao động ở địa phương. Qua 4 năm thực hiện chính sách, các cụm công nghiệp đã thu hút được trên 100 dự án đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo ra giá trị sản xuất trên 800 tỷ đồng và giải quyết việc làm cho hơn 700 lao động, ngoài ra còn hàng trăm dự án đã đăng ký đầu tư. Hầu hết các cụm công nghiệp có dự án đăng ký và đầu tư sản xuất tăng nhanh so với thời điểm trước khi chính sách ban hành như: CCN Nam Hồng, CCN Thái Yên, CCN Bắc Cẩm Xuyên... Công tác di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư hoặc làng nghề vào cụm công nghiệp đã được quan tâm như CCN Thái Yên, CCN Thạch Kim. Điều này cho thấy việc hình thành các cụm công nghiệp, đặc biệt các cụm công nghiệp tại các làng nghề phù hợp với nhu cầu phát triển. Diện tích đất công nghiệp trong các cụm công nghiệp đã cho thuê tăng gấp 2 lần, góp phần nâng cao tỷ lệ lấp đầy từ 32,58% (trước khi ban hành Nghị quyết) lên 59,01% vào cuối năm 2017.

Qua 3 năm (2015-2017) thực hiện chính sách khuyến công, tổng kinh phí khuyến công địa phương đã bố trí là: 6.472 triệu đồng, đã thực hiện giải ngân là 5.705 triệu đồng, chủ yếu hỗ trợ cho các nội dung như: Tập huấn, học tập kinh nghiệm, tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến cho 29 cơ sở SXCN; xây dựng nhãn hiệu sản phẩm công nghiệp; lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Thông qua việc hỗ trợ kinh phí khuyến công đã tạo điều kiện để cán bộ quản lý nhà nước các cấp nâng cao trình độ, các cơ sở xây dựng nhãn hiệu, ứng dụng đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, giải quyết công ăn việc làm cho lao động nông thôn, tiêu thụ nguồn nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn phát triển.

Mặc dù vậy, so với yêu cầu của sự phát triển trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, các quy định về chính sách nói trên còn có một số hạn chế nhất định. Một số chính sách, do nguồn lực hạn chế nên chưa được triển khai hoặc triển khai nhưng chưa đáp ứng nhu cầu; một số tiềm năng, lợi thế thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành công nghiệp tỉnh nhà chưa có chính sách để khuyến khích phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo sau thép, công nghiệp dệt may, da giày... Việc đầu tư kết cấu hạ tầng trong và ngoài khu, cụm công nghiệp, kết nối với các trục giao thông chính, đầu tư khu xử lý chất thải tập trung chưa đồng bộ, dẫn đến việc thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp đạt kết quả thấp. Các khu công nghiệp nằm ngoài khu kinh tế như KCN Hạ Vàng, KCN Gia Lách số lượng doanh nghiệp đầu tư còn ít. Đối với cụm công nghiệp, vẫn chủ yếu tập trung đầu tư tại các cụm công nghiệp làng nghề hoặc các cụm công nghiệp có vị trí địa lý thuận lợi về giao thông và đã được Nhà nước đầu tư một phần hạ tầng thiết yếu. Các cụm công nghiệp vùng sâu, vùng xa mức độ thu hút đầu tư rất khó khăn.

Bên cạnh đó, các chính sách đẩy mạnh phát triển CN - TTCN của tỉnh đã ban hành không còn phù hợp với các văn bản mới ban hành của Chính phủ và các bộ ngành Trung ương như: Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế thay thế Nghị định số [29/2008/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-29-2008-nd-cp-khu-cong-nghiep-khu-che-xuat-khu-kinh-te-64162.aspx) ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ thay thế Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ…

Vì vậy, việc ban hành một số chính sách phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh là hết sức cần thiết, nhằm tạo đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh, đảm bảo phù hợp với thực tiễn, phù hợp với chính sách của Trung ương, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

**II. NỘI DUNG**

Chính sách gồm 04 chương: Chương I: Những quy định chung; Chương II: Các chính sách hỗ trợ phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Chương III: Chính sách ưu đãi đối với công nghiệp hỗ trợ; Chương IV: Chính sách hỗ trợ khuyến công; với các nội dung chính như sau:

**1. Chương I: Những quy định chung**

Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc sử dụng kinh phí hỗ trợ và nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động. Trong đó, nguồn kinh phí được sử dụng từ 03 nguồn chính như sau:

- Ngân sách trung ương: Lồng ghép từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án phát triển của Chính phủ và các bộ, ngành.

- Giai đoạn 2018-2020, ngân sách tỉnh ưu tiên bố trí không dưới 1% tổng nguồn thu ngân sách để đảm bảo thực hiện chính sách. Giai đoạn sau năm 2020, tập trung ưu tiên bố trí đủ nguồn lực để thực hiện chính sách về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**2. Về Chương II: Các chính sách hỗ trợ phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp**

Chương II quy định về điều kiện được hưởng chính sách phát triển khu, cụm công nghiệp và một số chính sách cụ thể về: (1) Ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước; (2) hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; (3) hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài khu, cụm công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật kết nối trong và ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp; (4) Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu, cụm công nghiệp; (5) Hỗ trợ dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp; các chính sách cụ thể như sau:

a) Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước

- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư, văn bản pháp luật có liên quan.

- Hỗ trợ 100% tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh trước khi ban hành biểu giá đất chi tiết riêng cho các khu, cụm công nghiệp thuộc quy hoạch trong Bảng giá đất của tỉnh nhằm đảm bảo tính ổn định, phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và sản xuất kinh doanh trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; mức tỷ lệ % đơn giá thuê đất áp dụng mức thấp nhất theo quy định của Chính phủ.

b) Hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

- Đối với khu, cụm công nghiệp có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp theo hình thức xã hội hóa: Ngân sách tỉnh bố trí ứng vốn 50% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhưng không quá 10 tỷ đồng/khu công nghiệp và không quá 5 tỷ đồng/cụm công; phần còn lại, Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp ứng trước kinh phí để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với khu, cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật: Ngân sách nhà nước cân đối, bố trí vốn để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Trường hợp các khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn thiện hạ tầng và chưa thực hiện xong việc giải phóng mặt bằng mà nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư và tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì ngân sách tỉnh bố trí ứng 50% chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp, hợp tác xã và không quá 500 triệu đồng/dự án đối với nhà đầu tư là các hộ kinh doanh cá thể; phần còn lại, Chủ đầu tư ứng trước kinh phí để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài khu, cụm công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật kết nối trong và ngoài khu, cụm công nghiệp

- Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí hạ tầng giao thông, hệ thống đường gom và hệ thống thu gom, thoát nước kết nối trong và ngoài khu, cụm công nghiệp hoặc ngoài khu, cụm công nghiệp nhưng có tính chất quan trọng liên quan trực tiếp đến hoạt động của khu, cụm công nghiệp.

Trường hợp nhà đầu tư tự ứng trước kinh phí để đầu tư, số kinh phí đã đầu tư sẽ được Ngân sách hoàn trả theo kết quả thẩm định quyết toán công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày nhà đầu tư trình đủ hồ sơ theo quy định.

- UBND tỉnh thực hiện các giải pháp để đảm bảo hạ tầng đồng bộ và cung cấp các dịch vụ thiết yếu tới chân hàng rào khu, cụm công nghiệp như: Cấp điện, cấp nước, hạ tầng viễn thông, thông tin liên lạc, thu gom và xử lý chất thải…

d) Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu, cụm công nghiệp

- Khu, cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh hoặc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư: Giao UBND tỉnh xây dựng, phê duyệt danh mục ưu tiên đầu tư trên cơ sở cân đối ngân sách và tính chất cấp bách của từng công trình dự án, phù hợp tình hình thực tế, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp.

- Khu, cụm công nghiệp do Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo hình thức xã hội hóa đầu tư:

+ Hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp, bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, phòng cháy chữa cháy với mức hỗ trợ: 0,5 tỷ đồng/ha, nhưng không quá 20 tỷ đồng/cụm công nghiệp và không quá 30 tỷ đồng/khu công nghiệp.

+ Ưu tiên bố trí vốn, hỗ trợ để đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường, hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu, cụm công nghiệp hoặc hạng mục trạm xử lý nước thải tập trung của dự án kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp (sau đây gọi là hệ thống xử lý nước thải tập trung), cụ thể:

\* Ưu tiên vay vốn từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh hoặc ưu tiên vay vốn từ Quỹ đầu tư phát triển tỉnh để xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với mức vay 70% tổng vốn đầu tư.

\* Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu, cụm công nghiệp, nhưng không quá 03 tỷ đồng đối với cụm công nghiệp và không quá 06 tỷ đồng đối với khu công nghiệp.

- Khu, cụm công nghiệp đã được ngân sách đầu tư (toàn bộ hoặc một phần) nay chuyển đổi sang hình thức xã hội hóa đầu tư:

+ Đối với phần diện tích đã được Nhà nước đầu tư: Nhà nước bàn giao toàn bộ giá trị, diện tích đã đầu tư cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp thực hiện quản lý. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp được thu các khoản phí dịch vụ để sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình; phí xử lý nước thải; phí sử dụng điện chiếu sáng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với phần diện tích, hạng mục chưa được đầu tư: Chủ đầu tư tiến hành đầu tư theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được hưởng các chính sách đối với phần đầu tư hạ tầng còn lại như đối với khu, cụm được đầu tư mới.

e) Hỗ trợ dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp (Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư các lĩnh vực thuộc danh mục tỉnh thu hút đầu tư):

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp được hỗ trợ 50% giá thuê mặt bằng trong 5 năm đầu kể từ khi đi vào hoạt động, nhưng tối đa không quá 400 triệu đồng/doanh nghiệp.

Kinh phí hỗ trợ được thực hiện thông qua việc bù giá cho Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp đối với khu, cụm được đầu tư theo hình thức xã hội hóa và giảm trừ khi tính tiền thuê mặt bằng đối khu, cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh hoặc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn, hỗ trợ để đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp, cụ thể:

+ Ưu tiên vay vốn từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh hoặc từ Quỹ đầu tư phát triển tỉnh để xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với mức vay 70% tổng vốn đầu tư.

+ Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư hệ thống xử lý môi trường nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ phát triển thị trường, quảng bá thông tin

+ Hỗ trợ 100% chi phí quảng cáo về sản phẩm sản xuất từ dự án đầu tư trong khu, cụm công nghiệp trên các phương tiện thông tin của tỉnh (Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh) không quá 3 lần quảng cáo/năm và không quá 3 năm; Ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua các cơ quan truyền thông theo quy định nhưng không quá 30 triệu đồng/dự án/năm.

+ Hỗ trợ miễn phí quảng bá doanh nghiệp, sản phẩm kinh doanh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin của các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh trong thời hạn tối đa 02 năm.

+ Ưu tiên mở gian hàng trên sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh; được hỗ trợ xây dựng website để quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp.

- Ưu tiên hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương theo quy định về khuyến công.

- Ưu tiên vay vốn từ Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

**3. Chương III: Chính sách ưu đãi đối với công nghiệp hỗ trợ**

Các sản phẩm được sản xuất, chế biến từ gỗ MDF, ván ghép thanh trên địa bàn Hà Tĩnh được hưởng ưu đãi như quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

**4. Chương IV: Chính sách hỗ trợ khuyến công**

a) Mức chi hoạt động khuyến công địa phương

Mức chi chung cho hoạt động khuyến công và các nội dung chi khác không thuộc một trong các mức chi cụ thể sau đây thì áp dụng theo quy định đối với mức chi cho khuyến công quốc gia quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

b) Mức chi cụ thể

- Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn lập báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, nhưng không quá 50 triệu đồng/cụm.

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

+ Hỗ trợ 30% chi phí xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình;

+ Hỗ trợ 30% chi phí triển khai áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở theo các giải pháp đã được xác định trong Báo cáo đánh giá nhanh sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình.

- Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, khu vực, quốc gia:

+ Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, nhưng không quá 200 triệu đồng/lần;

+ Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh không quá 05 triệu đồng/sản phẩm;

+ Hỗ trợ 100% chi phí tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/lần.

- Hỗ trợ 50% chi phí lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị: Tiêu chí lựa chọn cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị và phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị tham gia Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải đảm bảo quy định tại Điều 22, Điều 23 của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ; một số nội dung hỗ trợ cụ thể:

- Hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường nhưng không quá 25 triệu đồng/khóa đào tạo/doanh nghiệp và không quá 01 khóa đào tạo trên năm.

- Hỗ trợ phát triển thương hiệu, tìm kiếm, mở rộng thị trường:

+ Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 25 triệu đồng/đơn vị/hội chợ trong nước và không quá 50 triệu đồng/đơn vị/hội chợ quốc tế; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước;

+ Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành nhưng không quá 15 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá 01 hợp đồng trên năm.

**III. THỜI GIAN THỰC HIỆN**

Thực hiện các chính sách: Từ năm 2018 đến năm 2025. Trường hợp có quy định mới của Trung ương hoặc phát sinh thay đổi từ thực tiễn, UBND tỉnh sẽ xem xét, trình điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi.

Ủy ban nhân tỉnh Hà Tĩnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo tại kỳ họp thứ 7, khóa XVII, tạo động lực phát triển công nghiệp, góp phần thực hiện mục tiêu Đại hội tỉnh Đảng bộ Khóa XVIII (có dự thảo Nghị quyết kèm theo)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thường trực Tỉnh uỷ;  - Thường trực HĐND;  - Chủ tịch, các PCT UBND;  - Các Đại biểu HĐND;  - Chánh, các PVP UBND tỉnh;  - Lưu: VT, KT1. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Đặng Quốc Khánh** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC**  **TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CCN** | | | | | |
|  |  |  | *ĐVT: Tỷ đồng* | | |
| **TT** | **Tên CCN Hạng mục hỗ trợ** | Kinh phí đã hỗ trợ qua các năm | | | |
| **2014** | **2015** | **2016** | **2017** |
| **I** | **CCN Phù Việt** |  |  |  |  |
| 1 | Hệ thống mương thoát nước thải và trạm xử lý nước thải | 2,2 | 7,0 |  |  |
| **II** | **CCN Nam Hồng** |  |  |  |  |
| 1 | Hệ thống xử lý nước thải |  | 1,0 |  |  |
| 2 | Đường phía Tây CCN | 2,5 | 2,1 |  |  |
| 3 | XD phương án cấp nước phục vụ CCN |  | 0,05 |  |  |
| **III** | **CCN Trung Lương** |  |  |  |  |
| 1 | Đường giao thông nội cụm | 1,0 |  |  |  |
| **IV** | **CCN Thái Yên** |  |  |  |  |
| 1 | Trả nợ khối lượng hoàn thành công trình | 1,0 |  |  |  |
| 2 | Hệ thống phòng chống cháy nổ |  | 1,0 |  |  |
| **V** | **CCN Vũ Quang** |  |  |  |  |
| 1 | Trả nợ khối lượng hoàn thành công trình | 1,5 |  |  |  |
| 2 | San lấp mặt bằng | 2,0 | 1,0 |  |  |
| **VI** | **CCN huyện Can Lộc** |  |  |  |  |
| 1 | Đường giao thông nội cụm | 3,0 | 1,0 |  |  |
| **VII** | **CCN Trường Sơn** |  |  |  |  |
| 1 | Đường giao thông nội cụm |  | 2,0 |  |  |
| **VIII** | **CCN Yên Huy** |  |  |  |  |
| 1 | Đường giao thông nội cụm |  | 2,0 |  |  |
| **IX** | **CCN Bắc Cẩm Xuyên** |  |  |  |  |
| 1 | Trả nợ khối lượng hoàn thành công trình | 1,0 |  |  |  |
| 2 | Đường giao thông nội cụm | 2,0 |  |  |  |
| **X** | **CCN Thạch Kim** |  |  |  |  |
| 1 | Trả nợ khối lượng hoàn thành công trình | 2,0 |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | **18,2** | **17,2** | **-** | **-** |